

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5520223

TRÌNH ĐỘ : TRUNG CẤP

*Ban hành kèm theo quyết định số: 159/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*

Bình Phước, Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Điện công nghiệp và dân dụng

Mã ngành, nghề: 5520223

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên

Thời gian khóa học: 2 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Điện công nghiệp và Dân dụng trình độ trung cấp là ngành, nghề mà người học nghề lắp đặt, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện và các thiết bị điện công nghiệp và dân dụng đạt yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong người học có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên môn nghề điện công nghiệp và dân dụng; có kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đánh giá quá trình thực hiện công việc đáp ứng được yêu cầu của nghề điện công nghiệp và dân dụng. Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng tư duy, kỹ năng ngoại ngữ để giải quyết công việc liên quan của nghề. Thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa tủ điện, máy điện, dây truyền sản xuất và các thiết bị điện trong các công ty sản xuất và kinh doanh như: nhà máy, xí nghiệp, tòa nhà ... trong điều kiện an toàn. Có sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp tốt giải quyết các công việc một cách chủ động, giao tiếp và phối hợp làm việc theo tổ, nhóm, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất. Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn (cao đẳng), lý luận chính trị, mở rộng kiến thức xã hội, xây dựng ý thức nghề và sự say mê nghề nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được những nguyên tắc, nội quy, quy định và những tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn lao động, an toàn điện cho người và thiết bị;
- Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tính chất, ứng dụng của các thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện và tiêu chuẩn kỹ thuật của chúng;
- Trình bày được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ, các phương pháp đo các thông số và các đại lượng cơ bản; Phát biểu được các khái niệm, định luật, định lý cơ bản của mạch

điện;

– Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc và phương pháp tính toán các thông số, quấn dây hoàn thành một số máy điện có công suất nhỏ theo đúng yêu cầu;

– Phân tích được sơ đồ nguyên lý, phương pháp điều khiển của hệ thống điện; của các máy công cụ như máy tiện, máy khoan và các máy sản xuất như băng tải, thang máy, lò điện;

– Trình bày được nguyên lý của một số loại cảm biến; mạch điện cảm biến; Mô tả được cách sử dụng các thiết bị đo, các thiết bị hàn;

– Mô tả được cấu tạo, nguyên lý của một số thiết bị điện hình như khởi động mềm, các bộ biến đổi;

– Trình bày được cấu tạo, ký hiệu, tính chất, ứng dụng, các cách mắc nối, cũng như nguyên lý làm việc, cách xác định thông số kỹ thuật của linh kiện điện tử trong các mạch điện tử thông dụng. Thay thế các linh kiện điện tử công suất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật;

– Trình bày được cấu trúc và nguyên lý hoạt động của hệ điều khiển lập trình;

– Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;

– Mô tả được các công việc trong quá trình thực tập sản xuất tại doanh nghiệp.

2.2.2 Kỹ năng:

– Thực hiện được công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và các biện pháp sơ cứu nạn nhân tai nạn lao động và điện giật;

– Đọc được các ký hiệu quy ước trên bản vẽ điện; Xác định, phân loại và tính chọn được các loại vật liệu điện, khí cụ điện và thiết bị điện cơ bản;

– Sử dụng được các thiết bị đo để kiểm tra các thông số và các đại lượng cơ bản của linh kiện điện tử, của mạch điện, các thiết bị điện, máy công cụ, máy sản xuất;

– Tính, chọn và lắp đặt được dây dẫn, bố trí hệ thống điện phù hợp với điều kiện làm việc, mục đích sử dụng trong một tòa nhà, phân xưởng hoặc nhà máy;

– Tính toán được các thông số kỹ thuật trong mạch điện; Tính toán, quấn lại được máy điện một pha, ba pha bị hỏng theo số liệu có sẵn;

– Lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được các khí cụ điện, hệ thống điện chiếu sáng, thiết bị điện gia dụng, máy điện theo yêu cầu;

– Lắp đặt, sửa chữa được các mạch mở máy, dừng máy cho động cơ 3 pha, 1 pha, động cơ một chiều; và một số máy công cụ;

– Viết được chương trình, kết nối được PLC với máy tính và với các thiết bị ngoại vi;

– Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản, ngoại ngữ cơ bản theo quy định, ứng dụng được trong công việc chuyên môn của nghề.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

– Tuân thủ, nghiêm túc thực hiện học tập, tìm hiểu môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

– Có đủ sức khỏe, tâm lý vững vàng, tác phong làm việc linh hoạt thích nghi trong cả điều kiện khắc nghiệt của thời tiết ngoài trời, trên cao đảm bảo an toàn lao động, cũng như có đủ tự tin, kỷ luật để làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài;

– Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

– Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

– Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lắp đặt, sửa chữa và bảo trì tủ điện phân phối; bộ điều khiển Rơ le, Công tắc tơ; bộ điều khiển dùng SCR, Triac;

- Thi công, lắp đặt mạng điện chiếu sáng; điện công nghiệp; các bộ điều khiển lập trình PLC cơ bản;

- Sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành động cơ điện; các thiết bị điện gia dụng;

- Kinh doanh thiết bị điện, điện tử, điện lạnh.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.570/61 (giờ/tín chỉ)

- Số lượng môn học, mô đun: 22

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/12 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.315/50 (giờ/tín chỉ)

- Khối lượng lý thuyết: 453 (giờ); thực hành, thực tập: 1.117 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Nhận thiết bị, vật tư.

2	NLCB-02	Kiểm tra khí cụ điện.
3	NLCB-03	Làm sạch thiết bị theo định kỳ.
4	NLCB-04	Xác định hư hỏng ở mạng động lực; tủ phân phối.
5	NLCB-05	Làm sạch vỏ động cơ và môi trường xung quanh.
6	NLCB-06	Làm vệ sinh tủ điều khiển và đường dây động lực.
7	NLCB-07	Xác định hư hỏng ở bộ điều khiển dùng role công tắc tơ.
8	NLCB-08	Tháo dây cũ của động cơ điện KĐB 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc
9	NLCB-09	Lấy số liệu dây quấn động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
10	NLCB-10	Làm khuôn quấn dây cho các bó dây của động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
11	NLCB-11	Nhận dạng các linh kiện.
12	NLCB-12	Xác định cuộn chính và cuộn phụ của động cơ điện xoay chiều một pha.
13	NLCB-13	Kiểm tra thay tụ điện động cơ điện xoay chiều một pha.
14	NLCB-14	Lót giấy cách điện rãnh của động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
15	NLCB-15	Đai dây.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
16	NLCL-01	Phân tích bản vẽ.
17	NLCL-02	Lắp thanh cái trong tủ điện.
18	NLCL-03	Lắp đặt khí cụ điện đóng cắt.
19	NLCL-04	Lắp đặt khí cụ điện bảo vệ.
20	NLCL-05	Lắp đặt thiết bị đo lường điện 2 cực.
21	NLCL-06	Kết nối các khí cụ điện.

22	NLCL-07	Kiểm tra nguội và hiệu chỉnh tủ điện phân phối.
23	NLCL-08	Kiểm tra nóng tủ điện phân phối.
24	NLCL-09	Khảo sát hiện trường.
25	NLCL-10	Đi dây trong ống nổi.
26	NLCL-11	Đi dây ngầm mạng điện chiếu sáng.
27	NLCL-12	Lắp bảng hoặc tủ điều khiển chiếu sáng.
28	NLCL-13	Lắp thiết bị chiếu sáng, pin mặt trời
29	NLCL-14	Kiểm tra nguội và hiệu chỉnh mạng điện chiếu sáng.
30	NLCL-15	Vận hành thử mạng điện chiếu sáng.
31	NLCL-16	Kiểm tra động cơ trước khi lắp đặt.
32	NLCL-17	Lắp đặt động cơ điện.
33	NLCL-18	Kiểm tra và hiệu chỉnh động cơ sau khi lắp đặt.
34	NLCL-19	Lắp đặt mạch điều khiển theo sơ đồ.
35	NLCL-20	Lắp đặt mạch động lực theo sơ đồ.
36	NLCL-21	Vận hành thử bộ điều khiển không tải và có tải.
37	NLCL-22	Lắp đặt mạch điều khiển theo sơ đồ.
38	NLCL-23	Lắp đặt mạch động lực theo sơ đồ.
39	NLCL-24	Kiểm tra kết nối phân cứng.
40	NLCL-25	Kiểm tra đường dây mạng động lực.
41	NLCL-26	Kiểm tra thiết bị đo lường.
42	NLCL-27	Kiểm tra cách điện và tiếp đất.
43	NLCL-28	Vận hành thử mạng động lực và tủ phân phối.
44	NLCL-29	Sửa chữa khí cụ điện đóng cắt.

45	NLCL-30	Sửa chữa khí cụ điện bảo vệ.
46	NLCL-31	Sửa chữa đường dây mạng động lực.
47	NLCL-32	Bổ sung dầu mỡ vào ổ bi (bạc đạn).
48	NLCL-33	Bảo dưỡng cấp I động cơ điện.
49	NLCL-34	Bảo dưỡng cấp II động cơ điện.
50	NLCL-35	Bảo dưỡng động cơ trong kho.
51	NLCL-36	Chống ẩm và chống rò điện.
52	NLCL-37	Thay thế phụ kiện không đạt yêu cầu.
53	NLCL-38	Kiểm tra và vận hành thử sau bảo dưỡng.
54	NLCL-39	Sửa chữa bộ phận cấp nguồn của tủ (bảng) điều khiển.
55	NLCL-40	Sửa chữa khí cụ điện của bộ điều khiển.
56	NLCL-41	Sửa chữa hộp nối dây.
57	NLCL-42	Sửa chữa, thay thế đường dây.
58	NLCL-43	Kiểm tra, vận hành thử sau sửa chữa.
59	NLCL-44	Tắm sơn cách điện bộ dây động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
60	NLCL-45	Sấy cách điện động cơ điện rôto lồng sóc.
61	NLCL-46	Quấn dây mới cho động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô-to lồng sóc.
62	NLCL-47	Lồng dây vào rãnh.
63	NLCL-48	Đấu dây động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
64	NLCL-49	Đo thông mạch dây quấn động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rôto lồng sóc.
65	NLCL-50	Xác định cực tính các đầu dây động cơ không đồng bộ.

66	NLCL-51	Đo độ cách điện của dây quấn động cơ không đồng bộ 3 pha hoặc 1 pha rô to lồng sóc.
67	NLCL-52	Kiểm tra không tải động cơ điện rô to lồng sóc.
68	NLCL-53	Kiểm tra có tải động cơ điện rô to lồng sóc.
69	NLCL-54	Tháo - lắp, vệ sinh các linh kiện.
70	NLCL-55	Phân tích sơ đồ, nguyên lý hoạt động.
71	NLCL-56	Xác định hiện tượng hư hỏng.
72	NLCL-57	Phán đoán được nguyên nhân hư hỏng.
73	NLCL-58	Kiểm tra các linh kiện.
74	NLCL-59	Thay thế, sửa chữa các linh kiện.
75	NLCL-60	Cấp nguồn, chạy thử và hoàn thiện.
76	NLCL-61	Thay thế chổi than, thay ổ bi và bạc đỡ.
77	NLCL-62	Thay thế điều chỉnh rô-le nhiệt của thiết bị ra nhiệt.
78	NLCL-63	Thay thế linh kiện quạt.
79	NLCL-64	Đổi chiều quay động cơ điện xoay chiều 1 pha kiểu mở máy bằng cuộn phụ.
80	NLCL-65	Xác định cực tính bộ dây stator động cơ điện xoay chiều không đồng bộ 3 pha $P < 5kW$.
81	NLCL-66	Thay thế, cân chỉnh ngắt điện ly tâm của động cơ điện xoay chiều một pha.
82	NLCL-67	Thay thế rô-le khởi động máy nén và rô le nhiệt của tủ lạnh.
83	NLCL-68	Lắp đặt máy bơm nước dùng cho nhà cao tầng; tự động không chế mức nước.
84	NLCL-69	Nạp ga máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
85	NLCL-70	Lắp đặt máy điều hòa không khí, tủ lạnh.

86	NLCL-71	Bảo dưỡng máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
87	NLCL-72	Sửa chữa máy điều hòa không khí, tủ lạnh.
III	Năng lực nâng cao	
88	NLNC-01	Lắp đặt thiết bị đo lường điện 4 cực.
89	NLNC-02	Vận hành thử và nghiệm thu bàn giao.
90	NLNC-03	Kiểm tra và hiệu chỉnh bộ điều khiển và tải.
91	NLNC-04	Lập trình theo yêu cầu kỹ thuật.
92	NLNC-05	Vận hành thử không tải và có tải.
93	NLNC-06	Sửa chữa thiết bị đo lường.

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	138	100	17
MH 01	Giáo dục Chính trị	2	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	1	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục Thể chất	1	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	28	13	4
MH 05	Tin học	2	45	15	28	2
MH 06	Tiếng Anh	3	90	60	25	5

II	Các môn học, mô đun chuyên môn	50	1315	315	956	44
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	17	330	135	179	16
MH 07	Cơ sở kỹ thuật điện	4	60	45	11	4
MH 08	An toàn điện	2	30	15	14	1
MĐ 09	Khí cụ điện hạ thế	2	45	15	28	2
MĐ 10	Kỹ thuật lắp đặt điện cơ bản	4	90	15	71	4
MĐ11	Điện tử cơ bản	3	60	30	27	3
MĐ12	Kỹ Thuật số	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	24	600	180	394	26
MH 13	Cung cấp điện	3	45	30	12	3
MĐ14	Sửa chữa thiết bị điện gia dụng	4	90	15	71	4
MĐ15	Bảo dưỡng và Sửa chữa động cơ điện	4	120	30	85	5
MĐ16	Điện tử công suất	2	45	15	28	2
MĐ17	Lắp đặt trang bị điện máy sản xuất	4	120	30	85	5
MĐ18	PLC cơ bản	3	75	30	42	3
MĐ19	Sửa chữa mạch điện máy công cụ	2	60	15	43	2
MĐ20	Điều khiển điện khí nén	2	45	15	28	2
II.3	Môn học, mô đun thực tập	9	385	0	383	2
MĐ21	Thực tập cơ sở	4	160		159	1
MĐ22	Thực tập tốt nghiệp	5	225		224	1
Tổng cộng		61	1570	453	1056	61

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐĐTĐBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh, học sinh được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép học sinh cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế trong hai năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô đun theo thang điểm 10
- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút
- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.
- Học phí thu theo từng học kỳ
- Học sinh phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô đun, tín chỉ quy định cho từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường
- Điểm của môn học, mô đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô đun

- Học sinh không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai

3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khỏe sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma túy...)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng
9	Học tập kỹ năng: - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024



ThS. Lê Văn Kích

PHÒNG ĐÀO TẠO



Lê Song Hào

KHOA ĐIỆN - ĐT



Hà Văn Đạo